

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
ĐIỆN MIỀN BẮC 2**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 17

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Hoàng Duy	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Lưu	Ủy viên
Ông Trương Chí Thành	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Hoàn	Ủy viên
Bà Lê Thị Kim Khuyến	Ủy viên
Ông Phan Huy Chí	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trương Chí Thành	Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Hải	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Đăng	Phó Giám đốc
Ông Vũ Mạnh Sơn	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2010)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trương Chí Thành
Giám đốc

Lào Cai, ngày 15 tháng 3 năm 2011

Số: 323 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 5 đến trang 17. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán được phát hành ngày 03 tháng 3 năm 2010 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ các hạn chế phạm vi kiểm toán dưới đây, chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế phạm vi kiểm toán

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, Công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng có thể thu hồi đối với các chi phí xây dựng cơ bản dở dang của các dự án không khả thi đã phát sinh từ các năm trước đang được theo dõi trên Tài khoản 241 "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" và Tài khoản 242 - "Chi phí trả trước dài hạn" với số tiền tương ứng là 6.187.676.701 VND và 2.938.961.039 VND. Do đó, chúng tôi không có cơ sở đưa ra ý kiến về các số liệu này cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những điều chỉnh cần thiết cho báo cáo tài chính do ảnh hưởng của các vấn đề hạn chế nêu trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

Ý kiến (Tiếp theo)

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính tới Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, căn cứ vào Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 17 tháng 4 năm 2010 về việc giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010, Công ty đã kết chuyển toàn bộ chi phí quản lý phát sinh trong năm 2010 vào giá trị các công trình đầu tư và phản ánh trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" tại bảng cân đối kế toán với số tiền 11.077.307.092 VND.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 15 tháng 3 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

A handwritten signature in blue ink, consisting of stylized cursive letters.

Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		177.953.096.047	133.221.013.314
A. (100=110+120+130+150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	21.343.625.185	9.654.802.590
1. Tiền	111		563.959.098	654.802.590
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.779.666.087	9.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.000.000.000	7.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	7.000.000.000	7.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		143.898.136.038	112.187.684.940
1. Phải thu khách hàng	131		2.188.230.601	3.447.844.062
2. Trả trước cho người bán	132	7	138.975.699.420	105.217.454.915
3. Các khoản phải thu khác	135	8	2.734.206.017	3.522.385.963
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.711.334.824	4.378.525.784
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.288.744.111	4.205.447.245
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		422.590.713	173.078.539
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		433.116.388.588	222.100.787.517
I. Tài sản cố định	220		410.528.654.709	211.528.586.970
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	102.629.754	149.926.789
- Nguyên giá	222		1.876.013.280	1.862.504.189
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.773.383.526)	(1.712.577.400)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		971.461.818	-
- Nguyên giá	225		971.461.818	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		10.090.000	10.090.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.090.000)	(10.090.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	409.454.563.137	211.378.660.181
II. Tài sản dài hạn khác	260		22.587.733.879	10.572.200.547
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	10.540.533.879	10.572.200.547
2. Tài sản dài hạn khác	268	12	12.047.200.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		611.069.484.635	355.321.800.831

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		466.846.100.864	213.776.126.369
I. Nợ ngắn hạn	310		100.354.863.367	9.870.994.620
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	50.623.451.294	-
2. Phải trả người bán	312		41.346.441.861	7.852.106.446
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		232.357.377	10.784.158
4. Phải trả người lao động	315		2.014.456.093	595.882.402
5. Chi phí phải trả	316		4.554.085.286	767.114.531
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		1.584.071.456	645.107.083
II. Nợ dài hạn	330		366.491.237.497	203.905.131.749
1. Phải trả dài hạn khác	333		350.000.000	-
2. Vay và nợ dài hạn	334	14	366.141.237.497	203.905.131.749
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		144.223.383.771	141.545.674.462
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	144.223.383.771	141.545.674.462
1. Vốn điều lệ	411		132.006.277.633	132.006.277.633
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.642.450.000	10.642.450.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		877.584.005	(1.103.053.171)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		697.072.133	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		611.069.484.635	355.321.800.831

Trần Ngọc Thủy

Trần Ngọc Thủy
Người lập

Lưu Chấn Hưng

Lưu Chấn Hưng
Kế toán trưởng



Trương Chí Thành


Trương Chí Thành
Giám đốc

Lào Cai, ngày 15 tháng 3 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.314.885.330	1.225.018.644
7. Chi phí tài chính	22		-	101.982.926
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		-	900.611.370
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		1.314.885.330	222.424.348
11. Thu nhập khác	31		8.454.545	65.052.272
12. Chi phí khác	32		393.910.365	287.476.620
13. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(385.455.820)	(222.424.348)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		929.429.510	-
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		232.357.377	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		697.072.133	-
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	16	53	-


 Trần Ngọc Thủy
 Người lập


 Lưu Chấn Hưng
 Kế toán trưởng


 Trương Chí Thành
 Giám đốc

Lào Cai, ngày 15 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010


MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	929.429.510	-
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	-	155.049.011
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.314.885.330)	(1.225.018.644)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(385.455.820)	(1.069.969.633)
(Tăng) các khoản phải thu	09	(33.911.526.266)	(90.160.282.668)
(Tăng) hàng tồn kho	10	-	(215.550.955)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	11.391.139.765	(4.541.214.097)
Giảm chi phí trả trước	12	31.666.668	31.666.668
Tiền lãi vay đã trả	13	(4.713.732.320)	(166.661.000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(12.047.200.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(39.635.107.973)	(96.122.011.685)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(141.854.403.885)	(79.849.871.774)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(7.000.000.000)
4. Thu tiền lãi cho vay	27	2.183.151.458	1.225.018.644
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(139.671.252.427)	(85.624.853.130)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	13.341.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	190.995.182.995	173.845.032.597
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	190.995.182.995	187.186.032.597
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	11.688.822.595	5.439.167.782
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	9.654.802.590	4.215.634.808
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	21.343.625.185	9.654.802.590

Thông tin bổ sung cho khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 36.038.590.686 VND, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán, nhưng bao gồm số tiền 7.852.106.446 VND mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang năm 2009 được chi trả trong năm 2010. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.


Trần Ngọc Thủy
Người lập


Lưu Chấn Hưng
Kế toán trưởng


Trương Chí Thành
Giám đốc

Lào Cai, ngày 15 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng các Nhà máy Thủy điện được thành lập theo Quyết định số 04/QĐ/VC-TCLĐ ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam. Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1203000019 lần đầu ngày 06 tháng 5 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp và các Giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 47 (31 tháng 12 năm 2009: 41).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Đầu tư xây dựng vận hành các dự án thủy điện tại tỉnh Lào Cai và các tỉnh Miền Bắc, mua bán vật liệu xây dựng; Tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, cấp thoát nước, thủy điện, điện, thủy lợi; Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, bưu chính viễn thông, thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu, cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, cấp, thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh và trang trí nội thất; Đầu tư kinh doanh bất động sản, nhà ở và văn phòng cho thuê; Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí; Sản xuất và mua bán, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, phục vụ xây dựng; Khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng: đá, cát, sỏi.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỷ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Tuy nhiên, theo đánh giá của Ban Giám đốc, tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, Công ty không có nợ phải thu quá hạn, khó đòi cần phải trích lập dự phòng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2010
	Số năm
Máy móc, thiết bị	6 - 7
Phương tiện vận tải	9 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Tài sản thuê tài chính thể hiện giá trị của xe ô tô Toyota thuê từ Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị phần mềm kế toán và phần mềm thiết kế đào lắp. Các tài sản cố định vô hình này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 của Công ty ngày 17 tháng 4 năm 2010 về việc giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng, tất cả các khoản chi phí quản lý phát sinh trong 2010 hoàn toàn phục vụ cho Dự án Thủy điện Ngòi Phát và Dự án Khu đô thị thương mại Thủy Hoa. Theo đó, Công ty đã kết chuyển toàn bộ chi phí quản lý phát sinh trong năm 2010 với số tiền 11.077.307.092 VND vào giá trị đầu tư hai công trình nêu trên và phản ánh trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" tại bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí quản lý chất lượng ISO 9001 đang được phân bổ và các chi phí đã trả của các hạng mục công trình chưa đủ điều kiện quyết toán.

Ngoại tệ

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ các tài khoản này, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại, được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” trên bảng cân đối kế toán. Khi công trình xây dựng nhà máy của Công ty hoàn thành, toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh thực tế lũy kế được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, phần chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại lũy kế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian tối đa là 5 năm.

Ghi nhận doanh thu

Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng công trình thủy điện và dự án bất động sản tại Lào Cai. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty không phát sinh doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Mức thuế ưu đãi 10% được áp dụng trong thời gian 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu bước vào giai đoạn kinh doanh. Sau đó, Công ty sẽ áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Việt Nam.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

301
CÔNG
CHÍNH
DELI
VIỆT
31

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền mặt	190.168	120.068.437
Tiền gửi ngân hàng	563.768.930	534.734.153
Các khoản tương đương tiền (i)	20.779.666.087	9.000.000.000
	21.343.625.185	9.654.802.590

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng với mức lãi suất tùy theo quy định của từng ngân hàng tại từng thời điểm khác nhau.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn phản ánh khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm với mức lãi suất tùy theo quy định của từng ngân hàng tại từng thời điểm khác nhau.

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần xây dựng số 11 - Vinaconex 11	2.000.000.000	2.000.000.000
	7.000.000.000	7.000.000.000

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Điện lực Lào Cai	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Vimeco	17.651.550.336	27.481.934.999
Công ty Xây dựng công trình Tuấn Vũ	3.262.623.000	2.334.734.403
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	12.555.372.637	6.008.337.093
Công ty TNHH Xây dựng và Xây lắp Thủy điện tỉnh Triết Giang	25.750.897.031	26.521.606.188
Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 4	-	3.088.946.000
Công ty ANDRITZ HYDRO Private Limited	51.745.772.379	37.676.100.000
Viện nghiên cứu thiết kế quy hoạch thủy lợi thành phố Bắc Kinh	-	942.155.102
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	732.660.729	399.343.637
Cục giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng	200.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần LILAMA 3	11.338.600.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	13.781.235.383	-
Các đối tượng khác	1.656.987.925	364.297.493
	138.975.699.420	105.217.454.915

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7 (i)	2.000.000.000	3.000.000.000
Các khoản phải thu khác	734.206.017	522.385.963
	2.734.206.017	3.522.385.963

(i) Phản ánh khoản cho Vinaconex 7 vay ngắn hạn 3 tháng với lãi suất là 0%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2010	296.757.388	1.200.889.655	364.857.146	1.862.504.189
Tăng trong năm	-	-	13.509.091	13.509.091
Tại ngày 31/12/2010	296.757.388	1.200.889.655	378.366.237	1.876.013.280
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2010	286.687.943	1.193.214.317	232.675.140	1.712.577.400
Khấu hao trong năm	2.083.332	2.192.956	56.529.838	60.806.126
Tại ngày 31/12/2010	288.771.275	1.195.407.273	289.204.978	1.773.383.526
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2010	7.986.113	5.482.382	89.161.259	102.629.754
Tại ngày 31/12/2009	10.069.445	7.675.338	132.182.006	149.926.789

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Công trình Thủy điện Ngòi Phát (i)	394.327.458.317	196.392.620.815
Công trình Khu đô thị Thủy Hoa	8.939.428.119	8.798.362.665
Công trình Thủy điện Chu Linh-Cốc San (ii)	4.257.321.341	4.257.321.341
Công trình Thủy điện Sứ Pán (ii)	480.355.360	480.355.360
Công trình Thủy điện Tà Thàng (ii)	1.450.000.000	1.450.000.000
	409.454.563.137	211.378.660.181

(i) Chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị công trình khi các cổ đông chưa góp đủ vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 37.041.655.766 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 6.653.384.074 VND).

(ii) Công ty đang làm việc với Tổng Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) và các bên liên quan để thống nhất cách xử lý các khoản chi phí phát sinh từ các năm trước cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản không khả thi. Việc điều chỉnh số liệu kế toán sẽ được thực hiện khi có quyết định chính thức của Vinaconex và các bên liên quan.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Chi phí trả cho các công trình chưa đủ điều kiện quyết toán (i)	10.535.256.104	10.535.256.104
Chi phí ISO	5.277.775	36.944.443
	10.540.533.879	10.572.200.547

(i) Công ty đang tạm theo dõi giá trị các hạng mục công trình chưa đủ điều kiện quyết toán với số tiền là 10.535.256.104 VND theo Báo cáo kiểm toán số 464/VAE-XD-NVIII ngày 09 tháng 7 năm 2005 của Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam trên Tài khoản 242 - "Chi phí trả trước dài hạn". Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh vào báo cáo tài chính khi có quyết toán chính thức từ cơ quan có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài sản dài hạn khác thể hiện khoản ký quỹ mở L/C tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai theo thông báo mở L/C số 955 ngày 20 tháng 5 năm 2010 với mục đích nhập khẩu thiết bị cho Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát từ nhà thầu của Ấn Độ với số tiền 12 tỷ VND và khoản ký quỹ với số tiền là 47,2 triệu VND tại Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam nhằm mục đích đảm bảo cho tài sản thuê tài chính là xe ô tô Toyota.

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (i)	36.797.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai (ii)	1.478.861.280	-
Vay dài hạn đến hạn trả	12.347.590.014	-
	<u>50.623.451.294</u>	<u>-</u>

(i) Ngày 31 tháng 7 năm 2010, Công ty ký kế ước vay vốn với Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) với mục đích bổ sung vốn lưu động. Số tiền vay là 36.797.000.000 VND. Thời hạn vay là 6 tháng, từ ngày 31 tháng 7 năm 2010 đến ngày 31 tháng 01 năm 2011. Lãi suất cho vay là 14%/năm, lãi được tính hàng tháng và trả khi đáo hạn hợp đồng.

(ii) Ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty ký kế ước vay vốn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam với mục đích thanh toán tiền hàng nhập khẩu. Số tiền vay là 1.478.861.280 VND. Thời hạn vay là 1 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay cố định là 17%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, giá trị tài sản đảm bảo là 1.650.000.000 VND.

14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	298.226.056.511	158.990.185.749
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (ii)	67.600.514.319	44.914.946.000
Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (iii)	314.666.667	-
	<u>366.141.237.497</u>	<u>203.905.131.749</u>

(i) Tại ngày 18 tháng 10 năm 2008, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch với hạn mức tối đa là 535,466 tỷ VND, thời hạn vay là 144 tháng để thực hiện thanh toán một phần chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát. Khoản vay chịu lãi suất không vượt quá mức trần lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ, được tính bằng (=) 4%/năm + lãi suất tham chiếu (là lãi suất huy động tiết kiệm bình quân từ dân cư bằng VND của 3 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao Dịch, Chi nhánh Từ Sơn và Chi nhánh Lào Cai). Các tài sản đảm bảo bao gồm:

- Bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) cho Công ty để vay vốn ngân hàng với giá trị bảo lãnh tối thiểu bằng tổng số tiền ngân hàng đã cam kết cho vay;
- Thế chấp cho Ngân hàng toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất, các công trình của dự án, kể cả nhà máy, cùng với các tòa nhà, công trình xây dựng và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền hay tọa lạc vĩnh viễn tại "Dự án" hay trên khu đất trong thời điểm hiện tại và tương lai; Toàn bộ máy móc thiết bị (trong phạm vi tối đa được các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho phép) và các động sản khác liên quan đến hoặc thuộc về Dự án (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của Công ty theo hợp đồng thế chấp;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

(ii) Tại ngày 18 tháng 10 năm 2008, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - chi nhánh Lào Cai với hạn mức tối đa là 437,745 tỷ VND, thời hạn vay là 96 tháng để thực hiện thanh toán một phần chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát. Khoản vay chịu lãi suất trong hạn là 11,4%/năm. Công ty dùng các tài sản hình thành sau đầu tư của Dự án và các tài sản khác thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty để thế chấp khoản vay này.

(iii) Tại ngày 30 tháng 11 năm 2010, Công ty ký hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam để thuê xe ô tô Toyota với số tiền là 472 triệu VND, thời hạn thuê là 3 năm kể từ ngày giải ngân. Tiền thuê bao gồm nợ gốc và lãi thuê tài chính được trả định kỳ 03 tháng một lần. Lãi suất cho thuê tài chính là lãi suất cho thuê cơ bản của đồng Việt Nam do Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán lần đầu tiên cho nhà cung cấp cộng (+) 0,3%/tháng và điều chỉnh 06 tháng 1 lần. Sau khi kết thúc hợp đồng thuê, tài sản sẽ được bán lại với giá tương ứng là 2 triệu VND.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Trong vòng một năm	12.347.590.014	-
Trong năm thứ hai	46.592.023.668	12.347.590.014
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	139.461.404.337	139.304.071.004
Sau năm năm	180.087.809.492	52.253.470.731
	<u>378.488.827.511</u>	<u>203.905.131.749</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	12.347.590.014	-
Số được trả sau 12 tháng	<u>366.141.237.497</u>	<u>203.905.131.749</u>

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2009	105.599.113.211	10.642.450.000	-	-	116.241.563.211
Nhận vốn góp	26.407.164.422	-	-	-	26.407.164.422
Chênh lệch tỷ giá	-	-	(1.103.053.171)	-	(1.103.053.171)
Tại ngày 01/01/2010	<u>132.006.277.633</u>	<u>10.642.450.000</u>	<u>(1.103.053.171)</u>	<u>-</u>	<u>141.545.674.462</u>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	697.072.133	697.072.133
Chênh lệch tỷ giá	-	-	1.980.637.176	-	1.980.637.176
Tại ngày 31/12/2010	<u>132.006.277.633</u>	<u>10.642.450.000</u>	<u>877.584.005</u>	<u>697.072.133</u>	<u>144.223.383.771</u>

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1203000019 cấp lần đầu ngày 06 tháng 5 năm 2004 và các giấy phép điều chỉnh, tổng vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh			Vốn đã góp	
	Số cổ phần	Tỷ lệ	VND	31/12/2010	31/12/2009
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	25.500.000	51,0%	255.000.000.000	72.109.777.633	72.109.777.633
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5.000.000	10,0%	50.000.000.000	21.800.000.000	21.800.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	1.900.000	3,8%	19.000.000.000	2.856.000.000	2.856.000.000
Công ty Cổ phần Vimeco	1.140.000	2,3%	11.400.000.000	6.387.000.000	6.387.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	16.460.000	32,9%	164.600.000.000	28.853.500.000	28.853.500.000
	50.000.000	100%	500.000.000.000	132.006.277.633	132.006.277.633

16. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2010	2009
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	697.072.133	-
Cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	13.200.628	11.831.849
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	53	-

17. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2010	2009
	VND	VND
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Vimeco	61.136.600.343	7.695.809.993
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 - Vinaconex 11	1.006.552.959	4.878.213.779
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	25.190.298.186	1.401.557.149
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm - Vinavico	-	4.174.586.759

Thu nhập của Ban Giám đốc

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2010	2009
	VND	VND
Lương	920.888.284	300.844.154
Các khoản thưởng, khác	134.400.000	44.121.000
	1.055.288.284	344.965.154

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Phải thu		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	2.029.611.670	3.008.275.190
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm - Vinavico	-	974.049.858
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 - Vinaconex 11	2.000.217.800	2.000.217.800
Công ty Cổ phần Vimeco	1.266.944.092	2.079.266.199
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	12.555.372.637	6.008.337.093
Công ty Cổ phần Vimeco	17.651.550.336	26.169.383.179
Nhà máy bê tông Xuân Mai	150.000.000	2.541.989
Vay ngắn hạn		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	36.797.000.000	-
Lãi vay ngắn hạn phải trả Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	3.148.187.778	-
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	1.309.561.175	-
Công ty Cổ phần Vimeco	18.572.414.593	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 - Vinaconex 11	2.746.535.097	1.458.632.521
Công ty Cổ phần Xây dựng số 34 - Vinaconex 34	1.025.718.257	1.025.718.257
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm-Vinavico	2.436.375.131	2.436.375.131
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	3.075.666.649	-
Phải trả khác		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	1.260.443.020	-

18. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Khoản mục	Số trước phân loại	Số sau phân loại	Chênh lệch	Tham chiếu
	lại 31/12/2009	lại 31/12/2009		
	VND	VND	VND	
Các khoản tương đương tiền	17.000.000.000	9.000.000.000	(8.000.000.000)	<1>
Đầu tư ngắn hạn	2.000.000.000	7.000.000.000	5.000.000.000	<2>
Các khoản phải thu khác	522.385.963	3.522.385.963	3.000.000.000	<3>

<1> Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng cần được trình bày tại khoản mục "Đầu tư ngắn hạn" thay vì "Các khoản tương đương tiền";

<2> Do ảnh hưởng của việc phân loại lại khoản mục <1> và <3>

<3> Các khoản cho các đơn vị khác vay ngắn hạn dưới 1 năm cần được trình bày tại khoản mục "Các khoản phải thu khác" thay vì trình bày tại "Đầu tư ngắn hạn"

Trần Ngọc Thủy
Người lậpLưu Chấn Hưng
Kế toán trưởngTrương Chí Thành
Giám đốc

Lào Cai, ngày 15 tháng 3 năm 2011